TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ VANG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **124**/2018/QĐST-HNGĐ	*Phú Vang, ngày 07 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 111/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Huỳnh Thị Cẩm Hg**, sinh năm 1986;Nơi ĐKHKTT: Thôn An Truyền, xã Phú An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ liên lạc: đường C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: **Anh Đoàn Ngọc T**, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Huỳnh Thị Cẩm Hg và anh Đoàn Ngọc T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Huỳnh Thị Cẩm Hg và anh Đoàn Ngọc T có 01 con chung là cháu Đoàn Thị Cẩm N, sinh ngày 19/10/2009. Hiện nay, cháu N đang ở với chị Hg.

Chị Huỳnh Thị Cẩm Hg và anh Đoàn Ngọc T tự nguyện thỏa thuận giao cháu Đoàn Thị Cẩm N cho chị Huỳnh Thị Cẩm Hg trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Đoàn Ngọc T phải

cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.300.000 đồng cho đến lúc cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Chị Huỳnh Thị Cẩm Hg và anh Đoàn Ngọc T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức đóng góp phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Cẩm Hg và anh Đoàn Ngọc T cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị Cẩm Hg và anh Đoàn Ngọc T cùng xác nhận vợ chồng không có nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn là 150.000 đồng. Chị Huỳnh Thị Cẩm Hg phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn và anh Đoàn Ngọc T phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, nhưng chị Huỳnh Thị Cẩm Hg và anh Đoàn Ngọc T tự nguyện thỏa thuận chị Huỳnh Thị Cẩm Hg chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng: Anh Đoàn Ngọc T phải chịu 150.000 đồng, nhưng chị Huỳnh Thị Cẩm Hg và anh Đoàn Ngọc T tự nguyện thỏa thuận chị Huỳnh Thị Cẩm Hg chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng thay anh Đoàn Ngọc T.

Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà chị Huỳnh Thị Cẩm Hg phải chịu là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hg đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 003943 ngày 08/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Huỳnh Thị Cẩm Hg đã nộp đủ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Hương Lan

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Vang;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS huyện Phú Vang;
- Lưu hồ sơ.